

PHẦN II. CÁC VĂN BẢN KHÁC**BỘ NGOẠI GIAO****NGHỊ ĐỊNH THƯ****PHÂN GIỚI CẮM MỐC BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN****VIỆT NAM - TRUNG QUỐC****GIỮA****CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****VÀ****CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA****Phụ lục 2****“NGHỊ ĐỊNH THƯ PHÂN GIỚI CẮM MỐC BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN
VIỆT NAM - TRUNG QUỐC GIỮA CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ CHÍNH PHỦ
NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA”****BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI****TẬP I****TỪ MỐC GIỚI SỐ 1 - 498****(Tiếp theo Công báo số 650 + 651)**

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 92(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc ba cùng số, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 07 tháng 12 năm 2004	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°''') L(°''')	
Cột mốc số 92(1) đặt trên bờ sông phía Việt Nam, nơi giao nhau giữa sông Lũng Pô và sông Hồng. Khoảng cách từ cột mốc số 92(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 92(2) là 83,90m. Khoảng cách từ cột mốc số 92(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 92(1) là 43,71m. Khoảng cách từ cột mốc số 92(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 92(3) là 145,12m. Khoảng cách từ cột mốc số 92(3) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 92(1) là 114,63m. Khoảng cách từ cột mốc số 92(1) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy sông Lũng Pô với trung tuyến dòng chảy sông Hồng là 153,45m.	2522336,73 18 360908,80	22° 47' 37,589" 103° 38' 43,617"	116,06 (1,69)
			Độ cao mặt đất (m)
			114,37
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 91(2) đến cột mốc số 92(1) là 49° 54' 18", khoảng cách là 992,96m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 92(1) đến cột mốc số 92(2) là 328° 10' 37", khoảng cách là 127,61m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 92(1) đến cột mốc số 92(3) là 21° 21' 47", khoảng cách là 259,75m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 92(2) đến cột mốc số 92(3) là 50° 29' 59", khoảng cách là 209,83m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 92(1) đến cột mốc số 93(1) là 136° 49' 40", khoảng cách là 3782,39m.			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 92(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc ba cùng số, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 17 tháng 4 năm 2005	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
<p>Cột mốc số 92(2) đặt trên bờ sông phía Trung Quốc, nơi giao nhau giữa sông Lũng Pô và sông Hồng.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 92(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 92(2) là 83,90m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 92(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 92(1) là 43,71m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 92(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 92(3) là 145,12m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 92(3) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 92(1) là 114,63m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 92(2) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy sông Lũng Pô với trung tuyến dòng chảy sông Hồng là 105,50m.</p>	2522445,16 18 360841,51	22° 47' 41,093" 103° 38' 41,223"	117,95 (1,61)
			Độ cao mặt đất (m)
			116,34
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 91(2) đến cột mốc số 92(2) là 42° 47' 14", khoảng cách là 1019,17m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 92(1) đến cột mốc số 92(2) là 328° 10' 37", khoảng cách là 127,61m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 92(1) đến cột mốc số 92(3) là 21° 21' 47", khoảng cách là 259,75m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 92(2) đến cột mốc số 92(3) là 50° 29' 59", khoảng cách là 209,83m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 92(2) đến cột mốc số 93(1) là 137° 11' 46", khoảng cách là 3907,58m.</p>	<p>Sơ đồ vị trí mốc thể hiện các mốc 91(2), 92(1), 92(2), 92(3) và 93(1) được nối với nhau bằng các đường thẳng. Góc phương vị và khoảng cách giữa các mốc được ghi rõ: Góc phương vị từ 91(2) đến 92(2) là 42° 47' 14" (khoảng cách 1019,17m); Góc phương vị từ 92(1) đến 92(2) là 328° 10' 37" (khoảng cách 127,61m); Góc phương vị từ 92(1) đến 92(3) là 21° 21' 47" (khoảng cách 259,75m); Góc phương vị từ 92(2) đến 92(3) là 50° 29' 59" (khoảng cách 209,83m); Góc phương vị từ 92(2) đến 93(1) là 137° 11' 46" (khoảng cách 3907,58m).</p>		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 92(3)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc ba cùng số, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 18 tháng 4 năm 2005	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°''') L(°''')	
Cột mốc số 92(3) đặt trên bờ sông phía Trung Quốc, nơi giao nhau giữa sông Lũng Pô và sông Hồng. Khoảng cách từ cột mốc số 92(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 92(2) là 83,90m. Khoảng cách từ cột mốc số 92(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 92(1) là 43,71m. Khoảng cách từ cột mốc số 92(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 92(3) là 145,12m. Khoảng cách từ cột mốc số 92(3) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 92(1) là 114,63 m. Khoảng cách từ cột mốc số 92(3) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy sông Lũng Pô với trung tuyến dòng chảy sông Hồng là 112,13m.	2522578,63 18 361003,42	22° 47' 45,479" 103° 38' 46,855"	122,08 (1,60)
			Độ cao mặt đất (m)
			120,48
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 91(2) đến cột mốc số 92(3) là 44° 06' 07", khoảng cách là 1227,43m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 92(1) đến cột mốc số 92(2) là 328° 10' 37", khoảng cách là 127,61m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 92(1) đến cột mốc số 92(3) là 21° 21' 47", khoảng cách là 259,75m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 92(2) đến cột mốc số 92(3) là 50° 29' 59", khoảng cách là 209,83m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 92(3) đến cột mốc số 93(1) là 140° 16' 27", khoảng cách là 3901,12m.			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 93(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 06 tháng 12 năm 2004	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
<p>Cột mốc số 93(1) đặt trên bờ sông Hồng phía Trung Quốc.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 93(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 93(2) là 90,07m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 93(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 93(1) là 175,72m.</p>	<p>2519578,23 18 363496,68</p>	<p>22° 46' 08,703" 103° 40' 15,194"</p>	127,85 (1,56)
			Độ cao mặt đất (m)
			126,29
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 92(3) đến cột mốc số 93(1) là 140° 16' 27", khoảng cách là 3901,12m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 93(1) đến cột mốc số 93(2) là 204° 28' 08", khoảng cách là 265,79m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 93(1) đến cột mốc số 94(1) là 135° 56' 59", khoảng cách là 11639,03m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 93(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 08 tháng 12 năm 2004	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 93(2) đặt trên bờ sông Hồng phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 93(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 93(2) là 90,07m. Khoảng cách từ cột mốc số 93(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 93(1) là 175,72m.	2519336,31 18 363386,59	22° 46' 00,809" 103° 40' 11,413"	112,51 (1,49)
			Độ cao mặt đất (m)
			111,02
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 92(3) đến cột mốc số 93(2) là 143° 41' 00", khoảng cách là 4023,95m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 93(1) đến cột mốc số 93(2) là 204° 28' 08", khoảng cách là 265,79m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 93(2) đến cột mốc số 94(1) là 134° 43' 20", khoảng cách là 11544,35m.			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 94(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 08 tháng 12 năm 2004	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
<p>Cột mốc số 94(1) đặt trên bờ sông Hồng phía Trung Quốc.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 94(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 94(2) là 133,77m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 94(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 94(1) là 128,16m.</p>	2511212,91 18 371589,18	22° 41' 39,115" 103° 45' 01,275"	119,65 (1,59)
			Độ cao mặt đất (m)
			118,06
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 93(2) đến cột mốc số 94(1) là 134° 43' 20", khoảng cách là 11544,35 m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 94(1) đến cột mốc số 94(2) là 236° 51' 48", khoảng cách là 261,93m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 94(1) đến cột mốc số 95(1) là 170° 41' 31", khoảng cách là 624,15m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 94(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 10 tháng 12 năm 2004	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
<p>Cột mốc số 94(2) đặt trên bờ sông Hồng phía Việt Nam.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 94(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 94(2) là 133,77m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 94(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 94(1) là 128,16m.</p>	<p>2511069,73 18 371369,85</p>	<p>22° 41' 34,402" 103° 44' 53,635"</p>	105,16 (1,49)
			Độ cao mặt đất (m)
			103,67
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 93(2) đến cột mốc số 94(2) là 135° 59' 56", khoảng cách là 11492,12m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 94(1) đến cột mốc số 94(2) là 236° 51' 48", khoảng cách là 261,93m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 94(2) đến cột mốc số 95(1) là 145° 52' 59", khoảng cách là 571,03m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 95(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 10 tháng 5 năm 2005	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
<p>Cột mốc số 95(1) đặt trên cồn Tian Fang Xiao Dao số hiệu 5 trên sông Hồng phía Trung Quốc.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 95(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 95(2) là 92,49m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 95(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 95(1) là 60,12m.</p>	2510596,98 18 371690,13	22° 41' 19,124" 103° 45' 04,993"	104,21 (1,60)
			Độ cao mặt đất (m)
			102,61
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 94(2) đến cột mốc số 95(1) là 145° 52' 59", khoảng cách là 571,03m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 95(1) đến cột mốc số 95(2) là 218° 31' 38", khoảng cách là 152,61m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 95(1) đến cột mốc số 96(1) là 130° 25' 47", khoảng cách là 8333,29m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 95(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 07 tháng 5 năm 2005	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 95(2) đặt trên bờ sông Hồng phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 95(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 95(2) là 92,49m. Khoảng cách từ cột mốc số 95(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 95(1) là 60,12m.	2510477,59 18 371595,07	22° 41' 15,219" 103° 45' 01,699"	113,89 (1,52)
			Độ cao mặt đất (m)
			112,37
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 94(2) đến cột mốc số 95(2) là 159° 10' 33", khoảng cách là 633,52m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 95(1) đến cột mốc số 95(2) là 218° 31' 38", khoảng cách là 152,61m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 95(2) đến cột mốc số 96(1) là 129° 22' 50", khoảng cách là 8329,62m.			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 96(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 10 tháng 12 năm 2004	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
<p>Cột mốc số 96(1) đặt trên bờ sông Hồng phía Trung Quốc.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 96(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 96(2) là 117,07m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 96(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 96(1) là 155,33m.</p>	2505192,72 18 378033,45	22° 38' 25,167" 103° 48' 48,688"	97,54 (1,60)
			Độ cao mặt đất (m)
			95,94
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 95(2) đến cột mốc số 96(1) là 129° 22' 50", khoảng cách là 8329,62m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 96(1) đến cột mốc số 96(2) là 241° 47' 53", khoảng cách là 272,40m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 96(1) đến cột mốc số 97(1) là 144° 20' 18", khoảng cách là 6364,06m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 96(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 12 tháng 12 năm 2004	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 96(2) đặt trên bờ sông Hồng phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 96(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 96(2) là 117,07m. Khoảng cách từ cột mốc số 96(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 96(1) là 155,33m.	2505063,99 18 377793,39	22° 38' 20,921" 103° 48' 40,319"	104,47 (1,50)
			Độ cao mặt đất (m)
			102,97
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 95(2) đến cột mốc số 96(2) là 131° 08' 02", khoảng cách là 8229,60 m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 96(1) đến cột mốc số 96(2) là 241° 47' 53", khoảng cách là 272,40m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 96(2) đến cột mốc số 97(1) là 141° 55' 18", khoảng cách là 6405,12m.			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 97(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 11 tháng 12 năm 2004	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
<p>Cột mốc số 97(1) đặt trên bờ sông Hồng, phía Trung Quốc, phía Tây Bắc bên phà từ Trung Quốc sang Việt Nam.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 97(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 97(2) là 112,48m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 97(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 97(1) là 125,54m.</p>	2500022,08 18 381743,67	22° 35' 38,056" 103° 50' 59,998"	91,45 (1,60)
			Độ cao mặt đất (m)
			89,85
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 96(2) đến cột mốc số 97(1) là 141° 55' 18", khoảng cách là 6405,12m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 97(1) đến cột mốc số 97(2) là 193° 20' 36", khoảng cách là 238,02m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 97(1) đến cột mốc số 98(1) là 134° 01' 39", khoảng cách là 4546,47m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 97(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 11 tháng 12 năm 2004	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
<p>Cột mốc số 97(2) đặt trên bờ sông Hồng phía Việt Nam, phía Đông Nam bên phà từ Việt Nam sang Trung Quốc.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 97(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 97(2) là 112,48m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 97(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 97(1) là 125,54m.</p>	<p>2499790,49 18 381688,74</p>	<p>22° 35' 30,515" 103° 50' 58,139"</p>	100,64 (1,49)
			Độ cao mặt đất (m)
			99,15
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 96(2) đến cột mốc số 97(2) là 143° 32' 53", khoảng cách là 6556,18m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 97(1) đến cột mốc số 97(2) là 193° 20' 36", khoảng cách là 238,02m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 97(2) đến cột mốc số 98(1) là 131° 22' 44", khoảng cách là 4429,75m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 98(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 13 tháng 12 năm 2004	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
<p>Cột mốc số 98(1) đặt trên bờ sông Hồng phía Trung Quốc.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 98(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 98(2) là 209,31m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 98(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 98(1) là 156,68m.</p>	<p>2496862,27 18 385012,62</p>	<p>22° 33' 56,161" 103° 52' 55,252"</p>	94,74 (1,59)
			Độ cao mặt đất (m)
			93,15
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 97(2) đến cột mốc số 98(1) là 131° 22' 44", khoảng cách là 4429,75m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 98(1) đến cột mốc số 98(2) là 170° 52' 20", khoảng cách là 365,99m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 98(1) đến cột mốc số 99(1) là 128° 33' 09", khoảng cách là 6621,61m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 98(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 13 tháng 12 năm 2004	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 98(2) đặt trên bờ sông Hồng phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 98(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 98(2) là 209,31m. Khoảng cách từ cột mốc số 98(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 98(1) là 156,68m.	2496500,91 18 385070,68	22° 33' 44,430" 103° 52' 57,379"	92,95 (1,46)
			Độ cao mặt đất (m)
			91,49
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 97(2) đến cột mốc số 98(2) là 134° 12' 25", khoảng cách là 4717,93 m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 98(1) đến cột mốc số 98(2) là 170° 52' 20", khoảng cách là 365,99m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 98(2) đến cột mốc số 99(1) là 126° 19' 51", khoảng cách là 6355,78m.			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 99(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 15 tháng 12 năm 2004	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
<p>Cột mốc số 99(1) đặt trên bờ sông Hồng phía Trung Quốc.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 99(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 99(2) là 111,01m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 99(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 99(1) là 66,08m.</p>	2492735,46 18 390190,96	22° 31' 43,257" 103° 55' 57,509"	90,41 (1,60)
			Độ cao mặt đất (m)
			88,81
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 98(2) đến cột mốc số 99(1) là 126° 19' 51", khoảng cách là 6355,78m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 99(1) đến cột mốc số 99(2) là 224° 58' 46", khoảng cách là 177,09m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 99(1) đến cột mốc số 100(1) là 125° 23' 22", khoảng cách là 2407,75m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 99(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 16 tháng 12 năm 2004	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 99(2) đặt trên bờ sông Hồng phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 99(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 99(2) là 111,01m. Khoảng cách từ cột mốc số 99(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 99(1) là 66,08m.	2492610,19 18 390065,78	22° 31' 39,156" 103° 55' 53,161"	95,44 (1,56)
			Độ cao mặt đất (m)
			93,88
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 98(2) đến cột mốc số 99(2) là 127° 54' 55", khoảng cách là 6331,57m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 99(1) đến cột mốc số 99(2) là 224° 58' 46", khoảng cách là 177,09m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 99(2) đến cột mốc số 100(1) là 121° 17' 29", khoảng cách là 2443,50m.			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 100(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 20 tháng 12 năm 2004	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
<p>Cột mốc số 100(1) đặt trên bờ sông Hồng phía Trung Quốc.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 100(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 100(2) là 134,56m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 100(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 100(1) là 140,15m.</p>	2491341,06 18 392153,84	22° 30' 58,385" 103° 57' 06,528"	89,92 (1,61)
			Độ cao mặt đất (m)
			88,31
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 99(2) đến cột mốc số 100(1) là 121° 17' 29", khoảng cách là 2443,50m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 100(1) đến cột mốc số 100(2) là 260° 03' 27", khoảng cách là 274,71m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 100(1) đến cột mốc số 101(1) là 130° 57' 50", khoảng cách là 1575,73m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 100(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 15 tháng 12 năm 2004	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 100(2) đặt trên bờ sông Hồng phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 100(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 100(2) là 134,56m. Khoảng cách từ cột mốc số 100(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 100(1) là 140,15m.	2491293,63 18 391883,26	22° 30' 56,782" 103° 56' 57,074"	90,02 (1,59)
			Độ cao mặt đất (m)
			88,43
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 99(2) đến cột mốc số 100(2) là 125° 55' 09", khoảng cách là 2244,23m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 100(1) đến cột mốc số 100(2) là 260° 03' 27", khoảng cách là 274,71m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 100(2) đến cột mốc số 101(1) là 124° 00' 49", khoảng cách là 1761,90m.			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 101(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc ba cùng số, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 18 tháng 12 năm 2004	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
<p>Cột mốc số 101(1) đặt trên bờ sông phía Trung Quốc, nơi giao nhau của sông Hồng với sông Nậm Thi (Nan Xi He).</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 101(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 101(2) là 97,68m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 101(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 101(1) là 90,53m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 101(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 101(3) là 130,08m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 101(3) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 101(1) là 87,66m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 101(1) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy sông Hồng với trung tuyến dòng chảy sông Nậm Thi (Nan Xi He) là 148,30m.</p>	2490308,04 18 393343,71	22° 30' 25,077" 103° 57' 48,406"	89,76 (1,74)
			Độ cao mặt đất (m)
			88,02
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 100(2) đến cột mốc số 101(1) là 124° 00' 49", khoảng cách là 1761,90m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 101(1) đến cột mốc số 101(2) là 120° 04' 47", khoảng cách là 188,21m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 101(1) đến cột mốc số 101(3) là 170° 16' 12", khoảng cách là 217,74m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 101(2) đến cột mốc số 101(3) là 226° 20' 39", khoảng cách là 174,24m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 101(1) đến cột mốc số 102(1) là 25° 28' 56", khoảng cách là 40,23m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 101(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc ba cùng số, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 18 tháng 12 năm 2004	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
<p>Cột mốc số 101(2) đặt trên bờ sông phía Việt Nam, nơi giao nhau của sông Hồng với sông Nậm Thi (Nan Xi He).</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 101(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 101(2) là 97,68m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 101(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 101(1) là 90,53m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 101(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 101(3) là 130,08m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 101(3) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 101(1) là 87,66m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 101(2) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy sông Hồng với trung tuyến dòng chảy sông Nậm Thi (Nan Xi He) là 107,99m.</p>	2490213,71 18 393506,57	22° 30' 22,048" 103° 57' 54,127"	89,16 (1,49)
			Độ cao mặt đất (m)
			87,67
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 100(2) đến cột mốc số 101(2) là 123° 38' 03", khoảng cách là 1949,71m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 101(1) đến cột mốc số 101(2) là 120° 04' 47", khoảng cách là 188,21m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 101(1) đến cột mốc số 101(3) là 170° 16' 12", khoảng cách là 217,74m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 101(2) đến cột mốc số 101(3) là 226° 20' 39", khoảng cách là 174,24m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 101(2) đến cột mốc số 102(1) là 311° 54' 44", khoảng cách là 195,59m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 101(3)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc ba cùng số, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 20 tháng 12 năm 2004	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
<p>Cột mốc số 101(3) đặt trên bờ sông Hồng phía Việt Nam, nơi giao nhau của sông Hồng với sông Nậm Thi (Nan Xi He).</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 101(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 101(2) là 97,68m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 101(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 101(1) là 90,53m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 101(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 101(3) là 130,08m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 101(3) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 101(1) là 87,66m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 101(3) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy Sông Hồng với trung tuyến dòng chảy sông Nậm Thi (Nan Xi He) là 84,20m.</p>	2490093,43 18 393380,51	22° 30' 18,110" 103° 57' 49,746"	86,96 (1,73)
			Độ cao mặt đất (m)
			85,23
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 100(2) đến cột mốc số 101(3) là 128° 42' 57", khoảng cách là 1918,92m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 101(1) đến cột mốc số 101(2) là 120° 04' 47", khoảng cách là 188,21m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 101(1) đến cột mốc số 101(3) là 170° 16' 12", khoảng cách là 217,74m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 101(2) đến cột mốc số 101(3) là 226° 20' 39", khoảng cách là 174,24m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 101(3) đến cột mốc số 102(1) là 355° 33' 31", khoảng cách là 251,69m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 102(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số, loại lớn có gắn quốc huy	Đá hoa cương	Ngày 13 tháng 7 năm 2002	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
<p>Cột mốc số 102(1) đặt trên bờ sông Nậm Thi (Nan Xi He) phía Trung Quốc, phía Tây Nam cầu đường bộ từ cửa khẩu Lào Cai (Việt Nam) đi Hà Khẩu (Trung Quốc).</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 102(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 102(2) là 80,33m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 102(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 102(1) là 64,38m.</p>	<p>2490344,36 18 393361,02</p>	<p>22° 30' 26,262" 103° 57' 49,003"</p>	90,56 (1,91)
			Độ cao mặt đất (m)
			88,65
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 101(3) đến cột mốc số 102(1) là 355° 33' 31", khoảng cách là 251,69m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 102(1) đến cột mốc số 102(2) là 88° 35' 40", khoảng cách là 144,71m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 102(1) đến cột mốc số 103(1) là 18° 59' 53", khoảng cách là 181,76m.</p>			

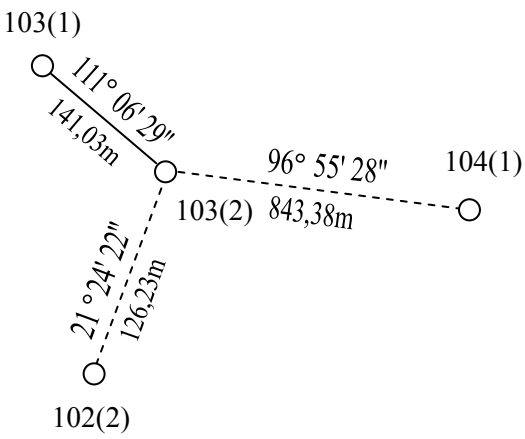
BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 102(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số, loại lớn có gắn quốc huy	Đá hoa cương	Ngày 13 tháng 7 năm 2002	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
<p>Cột mốc số 102(2) đặt trên bờ sông Nậm Thi (Nan Xi He) phía Việt Nam, phía Đông Bắc cầu đường bộ từ cửa khẩu Lào Cai (Việt Nam) đi Hà Khẩu (Trung Quốc).</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 102(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 102(2) là 80,33m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 102(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 102(1) là 64,38m.</p>	2490347,91 18 393505,69	22° 30' 26,410" 103° 57' 54,064"	91,08 (1,96)
			Độ cao mặt đất (m)
			89,12
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 101(3) đến cột mốc số 102(2) là 26° 11' 34", khoảng cách là 283,60m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 102(1) đến cột mốc số 102(2) là 88° 35' 40", khoảng cách là 144,71m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 102(2) đến cột mốc số 103(1) là 333° 04' 11", khoảng cách là 188,78m</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 103(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số, loại lớn có gắn quốc huy	Đá hoa cương	Ngày 24 tháng 12 năm 2002	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
<p>Cột mốc số 103(1) đặt trên bờ sông Nậm Thi (Nan Xi He) phía Trung Quốc, phía Tây Nam cầu đường sắt từ cửa khẩu Lào Cai (Việt Nam) đi Hà Khẩu (Trung Quốc).</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 103(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 103(2) là 67,11m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 103(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 103(1) là 73,92m.</p>	<p>2490516,22 18 393420,19</p>	<p>22° 30' 31,861" 103° 57' 51,031"</p>	90,57 (2,79)
			Độ cao mặt đất (m)
			87,78
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 102(2) đến cột mốc số 103(1) là 333° 04' 11", khoảng cách là 188,78m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 103(1) đến cột mốc số 103(2) là 111° 06' 29", khoảng cách là 141,03m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 103(1) đến cột mốc số 104(1) là 98° 56' 38", khoảng cách là 980,72m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 103(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số, loại lớn có gắn quốc huy	Đá hoa cương	Ngày 10 tháng 5 năm 2003	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
<p>Cột mốc số 103(2) đặt trên bờ sông Nậm Thi (Nan Xi He) phía Việt Nam, phía Đông Bắc cầu đường sắt từ cửa khẩu Lào Cai (Việt Nam) đi Hà Khẩu (Trung Quốc).</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 103(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 103(2) là 67,11m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 103(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 103(1) là 73,92m.</p>	2490465,43 18 393551,76	22° 30' 30,240" 103° 57' 55,647"	90,75 (1,94)
			Độ cao mặt đất (m)
			88,81
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 102(2) đến cột mốc số 103(2) là 21° 24' 22", khoảng cách là 126,23m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 103(1) đến cột mốc số 103(2) là 111° 06' 29", khoảng cách là 141,03m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 103(2) đến cột mốc số 104(1) là 96° 55' 28", khoảng cách là 843,38m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 104(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 09 tháng 10 năm 2004	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
<p>Cột mốc số 104(1) đặt trên bờ sông Nậm Thi (Nan Xi He) phía Trung Quốc.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 104(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 104(2) là 73,98m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 104(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 104(1) là 97,80m.</p>	<p>2490363,75 18 394388,99</p>	<p>22° 30' 27,122" 103° 58' 24,959"</p>	89,47 (1,58)
			Độ cao mặt đất (m)
			87,89
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 103(2) đến cột mốc số 104(1) là 96° 55' 28", khoảng cách là 843,38m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 104(1) đến cột mốc số 104(2) là 197° 32' 11", khoảng cách là 171,78m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 104(1) đến cột mốc số 105(1) là 69° 17' 19", khoảng cách là 3534,79m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 104(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 10 tháng 10 năm 2004	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
<p>Cột mốc số 104(2) đặt trên bờ sông Nậm Thi (Nan Xi He) phía Việt Nam.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 104(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 104(2) là 73,98m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 104(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 104(1) là 97,80m.</p>	2490199,95 18 394337,23	22° 30' 21,787" 103° 58' 23,189"	90,34 (1,47)
			Độ cao mặt đất (m)
			88,87
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 103(2) đến cột mốc số 104(2) là 108° 40' 29", khoảng cách là 829,12m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 104(1) đến cột mốc số 104(2) là 197° 32' 11", khoảng cách là 171,78m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 104(2) đến cột mốc số 105(1) là 67° 10' 00", khoảng cách là 3643,63m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 105(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 11 tháng 10 năm 2004	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
<p>Cột mốc số 105(1) đặt trên bờ sông Nậm Thi (Nan Xi He) phía Trung Quốc.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 105(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 105(2) là 49,94m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 105(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 105(1) là 62,95m.</p>	<p>2491613,86 18 397695,34</p>	<p>22° 31' 08,482" 104° 00' 20,336"</p>	91,88 (1,58)
			Độ cao mặt đất (m)
			90,30
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 104(2) đến cột mốc số 105(1) là 67° 10' 00", khoảng cách là 3643,63m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 105(1) đến cột mốc số 105(2) là 97° 48' 36", khoảng cách là 112,89m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 105(1) đến cột mốc số 106(1) là 0° 44' 54", khoảng cách là 2164,02m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 105(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 12 tháng 10 năm 2004	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
<p>Cột mốc số 105(2) đặt trên bờ sông Nậm Thi (Nan Xi He) phía Việt Nam.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 105(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 105(2) là 49,94m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 105(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 105(1) là 62,95m.</p>	2491598,52 18 397807,18	22° 31' 08,008" 104° 00' 24,252"	88,11 (1,48)
			Độ cao mặt đất (m)
			86,63
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 104(2) đến cột mốc số 105(2) là 68° 02' 53", khoảng cách là 3741,20 m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 105(1) đến cột mốc số 105(2) là 97° 48' 36", khoảng cách là 112,89m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 105(2) đến cột mốc số 106(1) là 357° 48' 13", khoảng cách là 2180,78m.</p>			

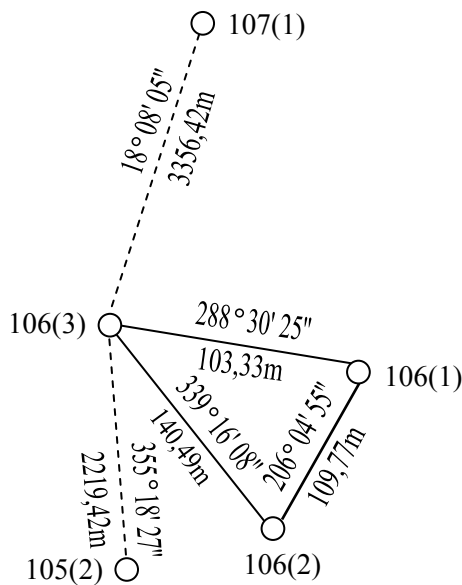
BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 106(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc ba cùng số, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 13 tháng 10 năm 2004	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
<p>Cột mốc số 106(1) đặt trên bờ sông phía Việt Nam, nơi giao nhau của sông Nậm Thi (Nan Xi He) và sông Bá Kết.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 106(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 106(2) là 64,70m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 106(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 106(1) là 45,07m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 106(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 106(3) là 64,23m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 106(3) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 106(1) là 39,10m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 106(1) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy sông Nậm Thi (Nan Xi He) với trung tuyến dòng chảy sông Bá Kết là 88,40m.</p>	2493777,70 18 397723,60	22° 32' 18, 823" 104° 00' 20,821"	96,14 (1,54)
			Độ cao mặt đất (m)
			94,60
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 105(2) đến cột mốc số 106(1) là 357° 48' 13", khoảng cách là 2180,78m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 106(1) đến cột mốc số 106(2) là 206° 04' 55", khoảng cách là 109,77m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 106(1) đến cột mốc số 106(3) là 288° 30' 25", khoảng cách là 103,33 m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 106(2) đến cột mốc số 106(3) là 339° 16' 08", khoảng cách là 140,49m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 106(1) đến cột mốc số 107(1) là 16° 22' 18", khoảng cách là 3358,68m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 106(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc ba cùng số, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 12 tháng 10 năm 2004	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
<p>Cột mốc số 106(2) đặt trên bờ sông phía Trung Quốc, nơi giao nhau của sông Nậm Thi (Nan Xi He) và sông Bá Kết.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 106(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 106(2) là 64,70m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 106(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 106(1) là 45,07m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 106(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 106(3) là 64,23m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 106(3) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 106(1) là 39,10m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 106(2) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy sông Nậm Thi (Nan Xi He) với trung tuyến dòng chảy sông Bá Kết là 52,80m.</p>	2493679,11 18 397675,34	22° 32' 15,607" 104° 00' 19,155"	94,46 (1,56)
			Độ cao mặt đất (m)
			92,90
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 105(2) đến cột mốc số 106(2) là 356° 22' 27", khoảng cách là 2084,76m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 106(1) đến cột mốc số 106(2) là 206° 04' 55", khoảng cách là 109,77m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 106(1) đến cột mốc số 106(3) là 288° 30' 25", khoảng cách là 103,33m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 106(2) đến cột mốc số 106(3) là 339° 16' 08", khoảng cách là 140,49m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 106(2) đến cột mốc số 107(1) là 16° 40' 39", khoảng cách là 3466,93m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 106(3)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc ba cùng số, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 12 tháng 10 năm 2004	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
<p>Cột mốc số 106(3) đặt trên bờ sông phía Trung Quốc, nơi giao nhau của sông Nậm Thi (Nan Xi He) và sông Bá Kết.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 106(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 106(2) là 64,70m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 106(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 106(1) là 45,07m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 106(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 106(3) là 64,23m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 106(3) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 106(1) là 39,10m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 106(3) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy sông Nậm Thi (Nan Xi He) với trung tuyến dòng chảy sông Bá Kết là 158,80m.</p>	2493810,50 18 397625,61	22° 32' 19,867" 104° 00' 17,385"	92,97 (1,58)
			Độ cao mặt đất (m)
			91,39
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 105(2) đến cột mốc số 106(3) là 355° 18' 27", khoảng cách là 2219,42m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 106(1) đến cột mốc số 106(2) là 206° 04' 55", khoảng cách là 109,77m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 106(1) đến cột mốc số 106(3) là 288° 30' 25", khoảng cách là 103,33m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 106(2) đến cột mốc số 106(3) là 339° 16' 08", khoảng cách là 140,49m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 106(3) đến cột mốc số 107(1) là 18° 08' 05", khoảng cách là 3356,42m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 107(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 16 tháng 10 năm 2004	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
<p>Cột mốc số 107(1) đặt trên bờ sông Bá Kết phía Trung Quốc.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 107(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 107(2) là 30,23m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 107(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 107(1) là 31,76m.</p>	2497000,20 18 398670,30	22° 34' 03,771" 104° 00' 53,203"	115,99 (1,56)
			Độ cao mặt đất (m)
			114,43
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 106(3) đến cột mốc số 107(1) là 18° 08' 05", khoảng cách là 3356,42m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 107(1) đến cột mốc số 107(2) là 60° 16' 16", khoảng cách là 61,99m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 107(1) đến cột mốc số 108(1) là 358° 45' 28", khoảng cách là 2829,90m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 107(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 16 tháng 10 năm 2004	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
<p>Cột mốc số 107(2) đặt trên bờ sông Bá Kết phía Việt Nam.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 107(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 107(2) là 30,23m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 107(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 107(1) là 31,76m.</p>	<p>2497030,94 18 398724,13</p>	<p>22° 34' 04,782" 104° 00' 55,081"</p>	112,54 (1,50)
			Độ cao mặt đất (m)
			111,04
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 106(3) đến cột mốc số 107(2) là 18° 50' 06", khoảng cách là 3402,64 m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 107(1) đến cột mốc số 107(2) là 60° 16' 16", khoảng cách là 61,99m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 107(2) đến cột mốc số 108(1) là 357° 38' 35", khoảng cách là 2800,86m.</p>			

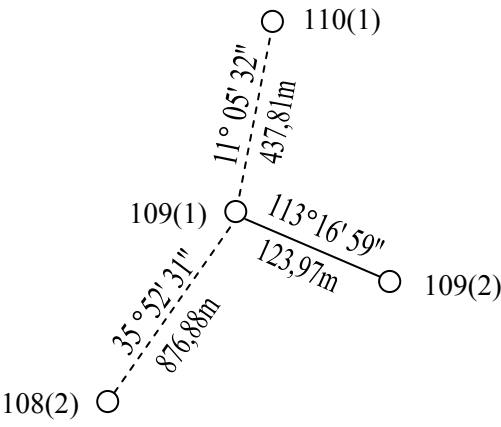
BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 108(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 19 tháng 10 năm 2004	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
<p>Cột mốc số 108(1) đặt trên bờ sông Bá Kết phía Trung Quốc.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 108(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 108(2) là 44,86m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 108(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 108(1) là 40,15m.</p>	2499829,43 18 398608,95	22° 35' 35,720" 104° 00' 50,402"	136,39 (1,59)
			Độ cao mặt đất (m)
			134,80
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 107(2) đến cột mốc số 108(1) là 357° 38' 35", khoảng cách là 2800,86m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 108(1) đến cột mốc số 108(2) là 127° 50' 50", khoảng cách là 85,01m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 108(1) đến cột mốc số 109(1) là 41° 25' 40", khoảng cách là 878,07m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 108(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 18 tháng 10 năm 2004	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 108(2) đặt trên bờ sông Bá Kết phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 108(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 108(2) là 44,86m. Khoảng cách từ cột mốc số 108(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 108(1) là 40,15m.	2499777,27 18 398676,08	22° 35' 34,040" 104° 00' 52,764"	130,26 (1,51)
			Độ cao mặt đất (m)
			128,75
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 107(2) đến cột mốc số 108(2) là 358° 59' 52", khoảng cách là 2746,75m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 108(1) đến cột mốc số 108(2) là 127° 50' 50", khoảng cách là 85,01m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 108(2) đến cột mốc số 109(1) là 35° 52' 31", khoảng cách là 876,88m.			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 109(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 05 tháng 11 năm 2004	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
<p>Cột mốc số 109(1) đặt trên bờ sông Bá Kết phía Trung Quốc.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 109(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 109(2) là 67,33m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 109(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 109(1) là 56,64m.</p>	<p>2500487,80 18 399189,95</p>	<p>22° 35' 57,244" 104° 01' 10,588"</p>	137,39 (1,56)
			Độ cao mặt đất (m)
			135,83
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 108(2) đến cột mốc số 109(1) là 35° 52' 31", khoảng cách là 876,88m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 109(1) đến cột mốc số 109(2) là 113° 16' 59", khoảng cách là 123,97m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 109(1) đến cột mốc số 110(1) là 11° 05' 32", khoảng cách là 437,81m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 109(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 08 tháng 11 năm 2004	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
<p>Cột mốc số 109(2) đặt trên bờ sông Bá Kết phía Việt Nam.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 109(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 109(2) là 67,33m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 109(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 109(1) là 56,64m.</p>	<p>2500438,80 18 399303,82</p>	<p>22° 35' 55,677" 104° 01' 14,586"</p>	134,85 (1,50)
			Độ cao mặt đất (m)
			133,35
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 108(2) đến cột mốc số 109(2) là 43° 29' 55", khoảng cách là 911,96m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 109(1) đến cột mốc số 109(2) là 113° 16' 59", khoảng cách là 123,97m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 109(2) đến cột mốc số 110(1) là 356° 27' 23", khoảng cách là 479,55m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 110(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 17 tháng 10 năm 2004	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
<p>Cột mốc số 110(1) đặt trên bờ sông Bá Kết phía Trung Quốc.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 110(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 110(2) là 37,68m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 110(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 110(1) là 50,47m.</p>	2500917,43 18 399274,18	22° 36' 11,227" 104° 01' 13,438"	137,01 (1,60)
			Độ cao mặt đất (m)
			135,41
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 109(2) đến cột mốc số 110(1) là 356° 27' 23", khoảng cách là 479,55m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 110(1) đến cột mốc số 110(2) là 82° 53' 48", khoảng cách là 88,15 m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 110(1) đến cột mốc số 111(1) là 16° 51' 27", khoảng cách là 1666,69m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 110(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 17 tháng 10 năm 2004	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
<p>Cột mốc số 110(2) đặt trên bờ sông Bá Kết phía Việt Nam.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 110(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 110(2) là 37,68m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 110(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 110(1) là 50,47m.</p>	<p>2500928,33 18 399361,65</p>	<p>22° 36' 11,601" 104° 01' 16,498"</p>	140,51 (1,51)
			Độ cao mặt đất (m)
			139,00
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 109(2) đến cột mốc số 110(2) là 6° 44' 14", khoảng cách là 492,93m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 110(1) đến cột mốc số 110(2) là 82° 53' 48", khoảng cách là 88,15m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 110(2) đến cột mốc số 111(1) là 14° 01' 48", khoảng cách là 1632,88m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 111(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc ba cùng số, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 24 tháng 4 năm 2005	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
<p>Cột mốc số 111(1) đặt trên bờ suối phía Trung Quốc, nơi giao nhau của sông Bá Kết và suối không tên.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 111(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 111(2) là 23,35m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 111(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 111(1) là 18,01m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 111(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 111(3) là 34,41m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 111(3) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 111(1) là 37,07m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 111(1) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy sông Bá Kết với trung tuyến dòng chảy suối không tên là 30,55m.</p>	2502512,50 18 399757,51	22° 37' 03,177" 104° 01' 29,993"	146,59 (1,60)
			Độ cao mặt đất (m)
			144,99
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 110(2) đến cột mốc số 111(1) là 14° 01' 48", khoảng cách là 1632,88m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 111(1) đến cột mốc số 111(2) là 68° 16' 24", khoảng cách là 41,36m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 111(1) đến cột mốc số 111(3) là 135° 35' 22", khoảng cách là 71,48m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 111(2) đến cột mốc số 111(3) là 170° 05' 10", khoảng cách là 67,38m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 111(1) đến mốc giới số 112 là 2° 28' 23", khoảng cách là 606,47m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 111(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc ba cùng số, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 25 tháng 4 năm 2005	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
<p>Cột mốc số 111(2) đặt trên bờ suối phía Việt Nam, nơi giao nhau của sông Bá Kết và suối không tên.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 111(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 111(2) là 23,35m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 111(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 111(1) là 18,01 m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 111(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 111(3) là 34,41m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 111(3) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 111(1) là 37,07m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 111(2) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy sông Bá Kết với trung tuyến dòng chảy suối không tên là 39,20m.</p>	2502527,81 18 399795,93	22° 37' 03,683" 104° 01' 31,335"	144,65 (1,82)
			Độ cao mặt đất (m)
			142,83
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 110(2) đến cột mốc số 111(2) là 15° 11' 25", khoảng cách là 1657,39m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 111(1) đến cột mốc số 111(2) là 68° 16' 24", khoảng cách là 41,36m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 111(1) đến cột mốc số 111(3) là 135° 35' 22", khoảng cách là 71,48m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 111(2) đến cột mốc số 111(3) là 170° 05' 10", khoảng cách là 67,38m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 111(2) đến mốc giới số 112 là 358° 48' 42", khoảng cách là 590,73m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 111(3)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc ba cùng số, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 25 tháng 4 năm 2005	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
<p>Cột mốc số 111(3) đặt trên bờ sông phía Việt Nam, nơi giao nhau của sông Bá Kết và suối không tên.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 111(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 111(2) là 23,35m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 111(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 111(1) là 18,01m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 111(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 111(3) là 34,41m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 111(3) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 111(1) là 37,07m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 111(3) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy sông Bá Kết với trung tuyến dòng chảy suối không tên là 41,00m.</p>	2502461,44 18 399807,53	22° 37' 01,528" 104° 01' 31,756"	144,83 (1,80)
			Độ cao mặt đất (m)
			143,03
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 110(2) đến cột mốc số 111(3) là 16° 12' 58", khoảng cách là 1596,63m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 111(1) đến cột mốc số 111(2) là 68° 16' 24", khoảng cách là 41,36 m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 111(1) đến cột mốc số 111(3) là 135° 35' 22", khoảng cách là 71,48m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 111(2) đến cột mốc số 111(3) là 170° 05' 10", khoảng cách là 67,38m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 111(3) đến mốc giới số 112 là 357° 55' 15", khoảng cách là 657,40m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 112

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 19 tháng 11 năm 2003	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 112 đặt trên sống núi.	2503118,41 18 399783,68	22° 37' 22,877" 104° 01' 30,771"	151,71 (1,49)
			Độ cao mặt đất (m)
			150,22
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 111(3) đến mốc giới số 112 là 357° 55' 15", khoảng cách là 657,40m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 112 đến mốc giới số 113 là 55° 02' 31", khoảng cách là 361,93m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 113

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 18 tháng 11 năm 2003	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 113 đặt trên sườn núi.	2503325,79 18 400080,31	22° 37' 29,681" 104° 01' 41,108"	313,63 (1,17)
			Độ cao mặt đất (m)
			312,46
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 112 đến mốc giới số 113 là 55° 02' 31", khoảng cách là 361,93m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 113 đến mốc giới số 114 là 55° 05' 16", khoảng cách là 188,41m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 114

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 07 tháng 11 năm 2003	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 114 đặt trên sống núi.	2503433,62 18 400234,81	22° 37' 33,219" 104° 01' 46,494"	437,31 (1,46)
			Độ cao mặt đất (m)
			435,85
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 113 đến mốc giới số 114 là 55° 05' 16", khoảng cách là 188,41m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 114 đến mốc giới số 115 là 357° 00' 49", khoảng cách là 262,19m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 115

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 07 tháng 01 năm 2003	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 115 đặt trên yên ngựa.	2503695,45 18 400221,15	22° 37' 41,726" 104° 01' 45,955"	520,39 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			519,19
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 114 đến mốc giới số 115 là 357° 00' 49", khoảng cách là 262,19m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 115 đến mốc giới số 116 là 1° 44' 18", khoảng cách là 1422,52m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 116

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 16 tháng 01 năm 2003	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
Mốc giới số 116 đặt trên đỉnh núi.	2505117,32 18 400264,30	22° 38' 27,952" 104° 01' 47,142"	538,25 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			537,05
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 115 đến mốc giới số 116 là 1° 44' 18", khoảng cách là 1422,52m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 116 đến mốc giới số 117 là 5° 50' 32", khoảng cách là 1119,07m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 117

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 08 tháng 01 năm 2008	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 117 đặt trên dốc núi.	2506230,58 18 400378,21	22° 39' 04,162" 104° 01' 50,877"	505,41 (1,57)
			Độ cao mặt đất (m)
			503,84
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 116 đến mốc giới số 117 là 5° 50' 32", khoảng cách là 1119,07m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 117 đến mốc giới số 118 là 7° 02' 12", khoảng cách là 565,93m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI 118

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 13 tháng 5 năm 2007	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°' ") L(°' ")	
Mốc giới số 118 đặt trên sông núi.	2506792,25 18 400447,54	22° 39' 22,433" 104° 01' 53,177"	558,66 (1,49)
			Độ cao mặt đất (m)
			557,17
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 117 đến mốc giới số 118 là 7° 02' 12", khoảng cách là 565,93m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 118 đến mốc giới số 119 là 8° 04' 04", khoảng cách là 125,98m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 119

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 11 tháng 5 năm 2007	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 119 đặt trên sông núi.	2506916,98 18 400465,22	22° 39' 26,491" 104° 01' 53,767"	547,04 (1,60)
			Độ cao mặt đất (m)
			545,44
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 118 đến mốc giới số 119 là 8° 04' 04", khoảng cách là 125,98m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 119 đến mốc giới số 120 là 15° 53' 20", khoảng cách là 246,88m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 120

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 18 tháng 4 năm 2004	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
Mốc giới số 120 đặt trên sông núi.	2507154,43 18 400532,81	22° 39' 34,224" 104° 01' 56,081"	567,86 (1,45)
			Độ cao mặt đất (m)
			566,41
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 119 đến mốc giới số 120 là 15° 53' 20", khoảng cách là 246,88m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 120 đến mốc giới số 121 là 23° 04' 03", khoảng cách là 226,66m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 121

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 12 tháng 5 năm 2007	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°' ") L(°' ")	
Mốc giới số 121 đặt trên sông núi.	2507362,97 18 400621,62	22° 39' 41,021" 104° 01' 59,143"	604,45 (1,59)
			Độ cao mặt đất (m)
			602,86
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 120 đến mốc giới số 121 là 23° 04' 03", khoảng cách là 226,66m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 121 đến mốc giới số 122 là 333° 37' 59", khoảng cách là 133,19m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 122

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 15 tháng 5 năm 2007	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
Mốc giới số 122 đặt trên sông núi.	2507482,30 18 400562,47	22° 39' 44,887" 104° 01' 57,045"	601,51 (1,50)
			Độ cao mặt đất (m)
			600,01
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 121 đến mốc giới số 122 là 333° 37' 59", khoảng cách là 133,19m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 122 đến mốc giới số 123 là 1° 01' 34", khoảng cách là 134,59m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 123

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 13 tháng 5 năm 2007	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 123 đặt trên sông núi.	2507616,87 18 400564,88	22° 39' 49,261" 104° 01' 57,098"	620,08 (1,60)
			Độ cao mặt đất (m)
			618,48
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 122 đến mốc giới số 123 là 1° 01' 34", khoảng cách là 134,59m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 123 đến mốc giới số 124 là 43° 30' 15", khoảng cách là 148,18m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 124

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 22 tháng 5 năm 2007	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°' ") L(°' ")	
Mốc giới số 124 đặt trên sông núi.	2507724,35 18 400666,89	22° 39' 52,777" 104° 02' 00,647"	624,30 (1,53)
			Độ cao mặt đất (m)
			622,77
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 123 đến mốc giới số 124 là 43° 30' 15", khoảng cách là 148,18m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 124 đến mốc giới số 125 là 3° 52' 29", khoảng cách là 1974,79m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 125

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 09 tháng 5 năm 2004	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°' ") L(°' ")	
Mốc giới số 125 đặt trên yên ngựa.	2509694,63 18 400800,34	22° 40' 56,847" 104° 02' 04,872"	909,76 (1,58)
			Độ cao mặt đất (m)
			908,18
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 124 đến mốc giới số 125 là 3° 52' 29", khoảng cách là 1974,79m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 125 đến mốc giới số 126 là 331° 23' 50", khoảng cách là 1404,43m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 126

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 08 tháng 5 năm 2004	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
Mốc giới số 126 đặt trên yên ngựa.	2510927,66 18 400127,99	22° 41' 36,783" 104° 01' 41,039"	930,00 (1,22)
			Độ cao mặt đất (m)
			928,78
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 125 đến mốc giới số 126 là 331° 23' 50", khoảng cách là 1404,43m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 126 đến mốc giới số 127 là 45° 20' 24", khoảng cách là 577,72m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 127

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 18 tháng 5 năm 2007	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
Mốc giới số 127 đặt tại khe núi.	2511333,74 18 400538,92	22° 41' 50,069" 104° 01' 55,341"	1005,11 (1,18)
			Độ cao mặt đất (m)
			1003,93
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 126 đến mốc giới số 127 là 45° 20' 24", khoảng cách là 577,72m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 127 đến mốc giới số 128 là 19° 08' 34", khoảng cách là 2315,60m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 128

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 17 tháng 5 năm 2004	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°' ") L(°' ")	
Mốc giới số 128 đặt trên yên ngựa.	2513521,30 18 401298,26	22° 43' 01,335" 104° 02' 21,446"	981,32 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			980,12
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 127 đến mốc giới số 128 là 19° 08' 34", khoảng cách là 2315,60m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 128 đến mốc giới số 129 là 20° 52' 57", khoảng cách là 1925,92m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 129

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 24 tháng 6 năm 2004	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
Mốc giới số 129 đặt trên yên ngựa.	2515320,71 18 401984,76	22° 43' 59,966" 104° 02' 45,093"	889,44 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			888,24
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 128 đến mốc giới số 129 là 20° 52' 57", khoảng cách là 1925,92m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 129 đến mốc giới số 130 là 44° 45' 50", khoảng cách là 823,50m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 130

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 22 tháng 6 năm 2004	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
Mốc giới số 130 đặt trên yên ngựa.	2515905,41 18 402564,66	22° 44' 19,093" 104° 03' 05,282"	906,36 (1,19)
			Độ cao mặt đất (m)
			905,17
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 129 đến mốc giới số 130 là 44° 45' 50", khoảng cách là 823,50m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 130 đến mốc giới số 131 là 17° 31' 21", khoảng cách là 276,01m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 131

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 26 tháng 6 năm 2004	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 131 đặt trên đường phân thủy.	2516168,61 18 402647,76	22° 44' 27,664" 104° 03' 08,135"	902,50 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			901,30
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 130 đến mốc giới số 131 là 17° 31' 21", khoảng cách là 276,01m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 131 đến mốc giới số 132 là 38° 53' 45", khoảng cách là 1139,31m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 132

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 28 tháng 6 năm 2004	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 132 đặt trên đường phân thủy.	2517055,32 18 403363,14	22° 44' 56,635" 104° 03' 33,007"	1090,19 (1,18)
			Độ cao mặt đất (m)
			1089,01
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 131 đến mốc giới số 132 là 38° 53' 45", khoảng cách là 1139,31m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 132 đến mốc giới số 133 là 37° 51' 59", khoảng cách là 800,48m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 133

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 03 tháng 7 năm 2004	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°' ") L(°' ")	
Mốc giới số 133 đặt trên đường phân thủy.	2517687,25 18 403854,49	22° 45' 17,276" 104° 03' 50,086"	1270,02 (1,51)
			Độ cao mặt đất (m)
			1268,51
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 132 đến mốc giới số 133 là 37° 51' 59", khoảng cách là 800,48m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 133 đến mốc giới số 134 là 31° 35' 51", khoảng cách là 304,73m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 134

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 10 tháng 11 năm 2005	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°' ") L(°' ")	
Mốc giới số 134 đặt trên đỉnh núi.	2517946,80 18 404014,15	22° 45' 25,745" 104° 03' 55,625"	1334,78 (1,52)
			Độ cao mặt đất (m)
			1333,26
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 133 đến mốc giới số 134 là 31° 35' 51", khoảng cách là 304,73m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 134 đến mốc giới số 135 là 67° 45' 39", khoảng cách là 1471,78m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 135

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 10 tháng 11 năm 2005	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°' ") L(°' ")	
Mốc giới số 135 đặt trên đỉnh núi.	2518503,83 18 405376,45	22° 45' 44,128" 104° 04' 43,247"	1507,95 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			1506,75
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 134 đến mốc giới số 135 là 67° 45' 39", khoảng cách là 1471,78m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 135 đến mốc giới số 136 là 358° 08' 56", khoảng cách là 431,26m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 136

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 12 tháng 11 năm 2005	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
Mốc giới số 136 đặt trên đường phân thủy.	2518934,86 18 405362,52	22° 45' 58,136" 104° 04' 42,666"	1472,58 (1,25)
			Độ cao mặt đất (m)
			1471,33
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 135 đến mốc giới số 136 là 358° 08' 56", khoảng cách là 431,26m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 136 đến mốc giới số 137 là 61° 18' 23", khoảng cách là 866,84m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 137

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 29 tháng 10 năm 2005	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°' ") L(°' ")	
Mốc giới số 137 đặt trên yên ngựa.	2519351,05 18 406122,91	22° 46' 11,816" 104° 05' 09,227"	1374,55 (1,21)
			Độ cao mặt đất (m)
			1373,34
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 136 đến mốc giới số 137 là 61° 18' 23", khoảng cách là 866,84m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 137 đến mốc giới số 137/1 là 57° 04' 13", khoảng cách là 289,05m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 137/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn phụ, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 19 tháng 7 năm 2007	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
Mốc giới số 137/1 đặt trên yên ngựa.	2519508,18 18 406365,52	22° 46' 16,973" 104° 05' 17,697"	1343,17 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			1341,97
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 137 đến mốc giới số 137/1 là 57° 04' 13", khoảng cách là 289,05m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 137/1 đến mốc giới số 138 là 18° 07' 49", khoảng cách là 1817,57m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 138

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 23 tháng 10 năm 2005	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
Mốc giới số 138 đặt trên đường phân thủy.	2521235,51 18 406931,11	22° 47' 13,232" 104° 05' 37,150"	1326,40 (1,30)
			Độ cao mặt đất (m)
			1325,10
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 137/1 đến mốc giới số 138 là 18° 07' 49", khoảng cách là 1817,57m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 138 đến mốc giới số 139 là 34° 51' 25", khoảng cách là 1479,62m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 139

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 23 tháng 10 năm 2005	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°' ") L(°' ")	
Mốc giới số 139 đặt trên đỉnh núi.	2522449,66 18 407776,76	22° 47' 52,864" 104° 06' 06,536"	1262,07 (1,60)
			Độ cao mặt đất (m)
			1260,47
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 138 đến mốc giới số 139 là 34° 51' 25", khoảng cách là 1479,62m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 139 đến mốc giới số 140 là 55° 13' 41", khoảng cách là 934,75m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 140

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 25 tháng 10 năm 2005	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 140 đặt trên đường phân thủy.	2522982,76 18 408544,59	22° 48' 10,343" 104° 06' 33,342"	1318,21 (1,31)
			Độ cao mặt đất (m)
			1316,90
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 139 đến mốc giới số 140 là 55° 13' 41", khoảng cách là 934,75m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 140 đến mốc giới số 141 là 33° 53' 15", khoảng cách là 833,03m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 141

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 25 tháng 10 năm 2005	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°' ") L(°' ")	
Mốc giới số 141 đặt trên yên ngựa.	2523674,29 18 409009,06	22° 48' 32,911" 104° 06' 49,480"	1314,22 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			1313,02
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 140 đến mốc giới số 141 là 33° 53' 15", khoảng cách là 833,03m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 141 đến mốc giới số 142 là 28° 43' 03", khoảng cách là 277,67m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 142

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 27 tháng 10 năm 2005	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 142 đặt trên đỉnh núi.	2523917,81 18 409142,48	22° 48' 40,853" 104° 06' 54,108"	1362,23 (1,62)
			Độ cao mặt đất (m)
			1360,61
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 141 đến mốc giới số 142 là 28° 43' 03", khoảng cách là 277,67m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 142 đến mốc giới số 143 là 77° 50' 01", khoảng cách là 1218,03m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 143

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 27 tháng 10 năm 2005	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°' ") L(°' ")	
Mốc giới số 143 đặt trên đường phân thủy.	2524174,51 18 410333,15	22° 48' 49,427" 104° 07' 35,800"	1287,04 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			1285,84
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 142 đến mốc giới số 143 là 77° 50' 01", khoảng cách là 1218,03m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 143 đến mốc giới số 144 là 117° 43' 20", khoảng cách là 494,49m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 144

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 27 tháng 12 năm 2007	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 144 đặt trên đường phân thủy, phía Tây đường cái từ Mường Khương (Việt Nam) đi Lao Ka (Trung Quốc).	2523944,48 18 410770,88	22° 48' 42,034" 104° 07' 51,196"	1206,37 (1,70)
			Độ cao mặt đất (m)
			1204,67
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 143 đến mốc giới số 144 là 117° 43' 20", khoảng cách là 494,49m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 144 đến mốc giới số 145 là 103° 48' 44", khoảng cách là 29,15m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 145

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 11 tháng 3 năm 2008	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°' ") L(°' ")	
Mốc giới số 145 đặt trên đỉnh núi nhỏ, phía Đông đường cái từ Mường Khương (Việt Nam) đi Lao Ka (Trung Quốc).	2523937,52 18 410799,19	22° 48' 41,813" 104° 07' 52,190"	1205,92 (1,80)
			Độ cao mặt đất (m)
			1204,12
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 144 đến mốc giới số 145 là 103° 48' 44", khoảng cách là 29,15m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 145 đến mốc giới số 146 là 159° 24' 09", khoảng cách là 798,24m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 146

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 29 tháng 12 năm 2007	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°' ") L(°' ")	
Mốc giới số 146 đặt trên sông núi.	2523190,31 18 411080,01	22° 48' 17,579" 104° 08' 02,190"	1351,78 (1,50)
			Độ cao mặt đất (m)
			1350,28
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 145 đến mốc giới số 146 là 159° 24' 09", khoảng cách là 798,24m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 146 đến mốc giới số 146/1 là 70° 24' 50", khoảng cách là 917,92m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 146/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn phụ, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 19 tháng 6 năm 2005	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 146/1 đặt trên sông núi.	2523498,02 18 411944,82	22° 48' 27,745" 104° 08' 32,447"	1382,69 (1,19)
			Độ cao mặt đất (m)
			1381,50
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 146 đến mốc giới số 146/1 là 70° 24' 50", khoảng cách là 917,92m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 146/1 đến mốc giới số 146/2 là 10° 37' 36", khoảng cách là 34,87m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 146/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn phụ, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 09 tháng 6 năm 2005	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°' ") L(°' ")	
Mốc giới số 146/2 đặt trên đường phân thủy.	2523532,29 18 411951,25	22° 48' 28,860" 104° 08' 32,666"	1389,43 (1,30)
			Độ cao mặt đất (m)
			1388,13
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 146/1 đến mốc giới số 146/2 là 10° 37' 36", khoảng cách là 34,87m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 146/2 đến mốc giới số 147 là 74° 57' 52", khoảng cách là 1122,27m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 147

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 09 tháng 6 năm 2005	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 147 đặt trên yên ngựa.	2523823,43 18 413035,10	22° 48' 38,527" 104° 09' 10,608"	1374,13 (1,21)
			Độ cao mặt đất (m)
			1372,92
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 146/2 đến mốc giới số 147 là 74° 57' 52", khoảng cách là 1122,27m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 147 đến mốc giới số 148 là 50° 08' 37", khoảng cách là 1334,21m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 148

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 13 tháng 6 năm 2005	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°' ") L(°' ")	
Mốc giới số 148 đặt trên đường phân thủy.	2524678,48 18 414059,31	22° 49' 06,510" 104° 09' 46,349"	1391,83 (1,30)
			Độ cao mặt đất (m)
			1390,53
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 147 đến mốc giới số 148 là 50° 08' 37", khoảng cách là 1334,21m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 148 đến mốc giới số 149 là 74° 54' 00", khoảng cách là 744,86m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 149

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 14 tháng 6 năm 2005	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 149 đặt trên đỉnh núi.	2524872,52 18 414778,45	22° 49' 12,948" 104° 10' 11,526"	1464,48 (1,23)
			Độ cao mặt đất (m)
			1463,25
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 148 đến mốc giới số 149 là 74° 54' 00", khoảng cách là 744,86m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 149 đến mốc giới số 150 là 70° 01' 12", khoảng cách là 819,16m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 150

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 16 tháng 12 năm 2005	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 150 đặt trên đỉnh núi.	2525152,42 18 415548,31	22° 49' 22,187" 104° 10' 38,467"	1563,57 (1,23)
			Độ cao mặt đất (m)
			1562,34
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 149 đến mốc giới số 150 là 70° 01' 12", khoảng cách là 819,16m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 150 đến mốc giới số 151 là 76° 36' 34", khoảng cách là 189,39m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 151

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 12 tháng 12 năm 2005	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
Mốc giới số 151 đặt trên đường phân thủy.	2525196,28 18 415732,55	22° 49' 23,645" 104° 10' 44,918"	1542,20 (1,18)
			Độ cao mặt đất (m)
			1541,02
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 150 đến mốc giới số 151 là 76° 36' 34", khoảng cách là 189,39m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 151 đến mốc giới số 152 là 53° 27' 42", khoảng cách là 544,07m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 152

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 11 tháng 12 năm 2005	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 152 đặt trên đỉnh núi.	2525520,20 18 416169,69	22° 49' 34,254" 104° 11' 00,184"	1600,51 (1,21)
			Độ cao mặt đất (m)
			1599,30
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 151 đến mốc giới số 152 là 53° 27' 42", khoảng cách là 544,07m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 152 đến mốc giới số 153 là 138° 13' 59", khoảng cách là 526,21m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 153

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 16 tháng 12 năm 2005	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 153 đặt trên đường phân thủy.	2525127,72 18 416520,20	22° 49' 21,559" 104° 11' 12,550"	1529,19 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			1527,99
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 152 đến mốc giới số 153 là 138° 13' 59", khoảng cách là 526,21m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 153 đến mốc giới số 154 là 120° 20' 51", khoảng cách là 393,93m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 154

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 01 tháng 11 năm 2006	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 154 đặt trên yên ngựa.	2524928,69 18 416860,15	22° 49' 15,150" 104° 11' 24,509"	1547,01 (1,51)
			Độ cao mặt đất (m)
			1545,50
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 153 đến mốc giới số 154 là 120° 20' 51", khoảng cách là 393,93m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 154 đến mốc giới số 155 là 50° 02' 14", khoảng cách là 779,74m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 155

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 18 tháng 12 năm 2005	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 155 đặt trên yên ngựa.	2525429,51 18 417457,79	22° 49' 31,535" 104° 11' 45,369"	1492,87 (1,59)
			Độ cao mặt đất (m)
			1491,28
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 154 đến mốc giới số 155 là 50° 02' 14", khoảng cách là 779,74m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 155 đến mốc giới số 156 là 68° 13' 58", khoảng cách là 368,52m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 156

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 21 tháng 12 năm 2005	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 156 đặt trên yên ngựa.	2525566,17 18 417800,03	22° 49' 36,038" 104° 11' 57,344"	1494,18 (1,52)
			Độ cao mặt đất (m)
			1492,66
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 155 đến mốc giới số 156 là 68° 13' 58", khoảng cách là 368,52m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 156 đến mốc giới số 157 là 76° 46' 58", khoảng cách là 1382,29m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 157

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 02 tháng 11 năm 2006	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°' ") L(°' ")	
Mốc giới số 157 đặt trên đường phân thủy.	2525882,22 18 419145,70	22° 49' 46,546" 104° 12' 44,473"	1502,64 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			1501,44
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 156 đến mốc giới số 157 là 76° 46' 58", khoảng cách là 1382,29m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 157 đến mốc giới số 158 là 68° 56' 51", khoảng cách là 520,18m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 158

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 03 tháng 11 năm 2006	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 158 đặt trên yên ngựa.	2526069,08 18 419631,16	22° 49' 52,704" 104° 13' 01,462"	1507,96 (1,22)
			Độ cao mặt đất (m)
			1506,74
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 157 đến mốc giới số 158 là 68° 56' 51", khoảng cách là 520,18m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 158 đến mốc giới số 159 là 67° 26' 00", khoảng cách là 2032,10m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 159

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 29 tháng 3 năm 2007	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
Mốc giới số 159 đặt trên yên ngựa.	2526848,91 18 421507,67	22° 50' 18,372" 104° 14' 07,125"	1402,42 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			1401,22
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 158 đến mốc giới số 159 là 67° 26' 00", khoảng cách là 2032,10m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 159 đến mốc giới số 160 là 69° 28' 13", khoảng cách là 283,58m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 160

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 29 tháng 3 năm 2006	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 160 đặt trên yên ngựa.	2526948,36 18 421773,24	22° 50' 21,650" 104° 14' 16,420"	1371,64 (1,52)
			Độ cao mặt đất (m)
			1370,12
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 159 đến mốc giới số 160 là 69° 28' 13", khoảng cách là 283,58m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 160 đến mốc giới số 161 là 43° 32' 17", khoảng cách là 716,38m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 161

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 28 tháng 3 năm 2006	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 161 đặt trên yên ngựa.	2527467,68 18 422266,71	22° 50' 38,612" 104° 14' 33,632"	1344,06 (1,58)
			Độ cao mặt đất (m)
			1342,48
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 160 đến mốc giới số 161 là 43° 32' 17", khoảng cách là 716,38m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 161 đến mốc giới số 162 là 107° 00' 50", khoảng cách là 1043,15m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 162

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 27 tháng 3 năm 2006	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
Mốc giới số 162 đặt trên yên ngựa.	2527162,45 18 423264,20	22° 50' 28,856" 104° 15' 08,670"	1475,02 (1,51)
			Độ cao mặt đất (m)
			1473,51
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 161 đến mốc giới số 162 là 107° 00' 50", khoảng cách là 1043,15m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 162 đến mốc giới số 163 là 57° 48' 38", khoảng cách là 722,01m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 163

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 24 tháng 3 năm 2007	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 163 đặt trên sống núi, phía Tây đường cái.	2527547,08 18 423875,23	22° 50' 41,459" 104° 15' 30,031"	1305,08 (1,60)
			Độ cao mặt đất (m)
			1303,48
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 162 đến mốc giới số 163 là 57° 48' 38", khoảng cách là 722,01m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 163 đến mốc giới số 164 là 135° 49' 08", khoảng cách là 523,44m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 164

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 02 tháng 4 năm 2006	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 164 đặt trên đỉnh núi.	2527171,70 18 424240,03	22° 50' 29,317" 104° 15' 42,891"	1397,85 (1,54)
			Độ cao mặt đất (m)
			1396,31
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 163 đến mốc giới số 164 là 135° 49' 08", khoảng cách là 523,44m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 164 đến mốc giới số 165 là 116° 27' 17", khoảng cách là 336,44m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 165

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 06 tháng 12 năm 2006	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°' ") L(°' ")	
Mốc giới số 165 đặt trên sống núi.	2527021,82 18 424541,24	22° 50' 24,493" 104° 15' 53,481"	1260,51 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			1259,31
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 164 đến mốc giới số 165 là 116° 27' 17", khoảng cách là 336,44m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 165 đến mốc giới số 165/1 là 69° 24' 56", khoảng cách là 148,55m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 165/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn phụ, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 21 tháng 7 năm 2007	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 165/1 đặt trên sống núi.	2527074,05 18 424680,31	22° 50' 26,213" 104° 15' 58,349"	1211,16 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			1209,96
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 165 đến mốc giới số 165/1 là 69° 24' 56", khoảng cách là 148,55m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 165/1 đến mốc giới số 166 là 152° 34' 05", khoảng cách là 386,98m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 166

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 31 tháng 3 năm 2006	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°' ") L(°' ")	
Mốc giới số 166 đặt trên yên ngựa.	2526730,58 18 424858,59	22° 50' 15,078" 104° 16' 04,661"	973,59 (1,50)
			Độ cao mặt đất (m)
			972,09
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 165/1 đến mốc giới số 166 là 152° 34' 05", khoảng cách là 386,98m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 166 đến mốc giới số 167 là 161° 12' 51", khoảng cách là 933,82m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 167

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 20 tháng 4 năm 2006	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°' ") L(°' ")	
Mốc giới số 167 đặt trên sống núi.	2525846,51 18 425159,31	22° 49' 46,389" 104° 16' 15,360"	468,53 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			467,33
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 166 đến mốc giới số 167 là 161° 12' 51", khoảng cách là 933,82m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 167 đến cột mốc số 168(1) là 193° 40' 10", khoảng cách là 3525,40m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 168(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 25 tháng 4 năm 2006	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 168(1) đặt trên bờ Sông Xanh (Ge Suo He) phía Trung Quốc. Khoảng cách từ cột mốc số 168(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 168(2) là 66,91m. Khoảng cách từ cột mốc số 168(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 168(1) là 73,77m.	2522420,97 18 424326,19	22° 47' 54,906" 104° 15' 46,744"	419,30 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			418,10
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị toạ độ mốc giới số 167 đến cột mốc số 168(1) là 193° 40' 10", khoảng cách là 3525,40m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 168(1) đến cột mốc số 168(2) là 299° 47' 20", khoảng cách là 140,68m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 168(1) đến cột mốc số 169(1) là 186° 14' 21", khoảng cách là 3711,35m.			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 168(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 25 tháng 4 năm 2006	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	Độ cao mặt đất (m)
<p>Cột mốc số 168(2) đặt trên bờ Sông Xanh (Ge Suo He) phía Việt Nam.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 168(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 168(2) là 66,91m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 168(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 168(1) là 73,77m.</p>	<p>2522490,86 18 424204,10</p>	<p>22° 47' 57,158" 104° 15' 42,452"</p>	414,20 (1,22)
			Độ cao mặt đất (m)
			412,98
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 167 đến cột mốc số 168(2) là 195° 53' 22", khoảng cách là 3488,96m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 168(1) đến cột mốc số 168(2) là 299° 47' 20", khoảng cách là 140,68m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 168(2) đến cột mốc số 169(1) là 184° 16' 44", khoảng cách là 3769,77m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 169(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 11 tháng 7 năm 2005	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
<p>Cột mốc số 169(1) đặt trên bờ Sông Xanh (Ge Suo He) phía Trung Quốc, phía Đông Bắc cầu Thiên Sinh.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 169(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 169(2) là 20,73m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 169(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 169(1) là 14,54m.</p>	<p>2518731,60 18 423922,84</p>	<p>22° 45' 54,916" 104° 15' 33,251"</p>	282,34 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			281,14
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 168(2) đến cột mốc số 169(1) là 184° 16' 44", khoảng cách là 3769,77m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 169(1) đến cột mốc số 169(2) là 248° 52' 38", khoảng cách là 35,27m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 169(1) đến cột mốc số 170(1) là 157° 10' 25", khoảng cách là 2789,29m</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 169(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 11 tháng 7 năm 2005	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
<p>Cột mốc số 169(2) đặt trên bờ Sông Xanh (Ge Suo He) phía Việt Nam, phía Tây Nam cầu Thiên Sinh.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 169(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 169(2) là 20,73m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 169(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 169(1) là 14,54m.</p>	2518718,89 18 423889,94	22° 45' 54,497" 104° 15' 32,100"	280,49 (1,19)
			Độ cao mặt đất (m)
			279,30
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 168(2) đến cột mốc số 169(2) là 184° 45' 40", khoảng cách là 3785,03m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 169(1) đến cột mốc số 169(2) là 248° 52' 38", khoảng cách là 35,27m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 169(2) đến cột mốc số 170(1) là 156° 26' 59", khoảng cách là 2790,56m</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 170(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc ba cùng số, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 06 tháng 7 năm 2005	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
<p>Cột mốc số 170(1) đặt trên bờ sông phía Trung Quốc, nơi giao nhau của Sông Xanh (Ge Suo He) và Sông Cháy (Hei He).</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 170(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 170(2) là 29,51m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 170(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 170(1) là 87,55m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 170(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 170(3) là 39,72m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 170(3) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 170(1) là 44,27m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 170(1) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy Sông Xanh (Ge Suo He) với trung tuyến dòng chảy Sông Cháy (Hei He) là 33,84m.</p>	2516160,76 18 425004,92	22° 44' 31,523" 104° 16' 11,622"	199,19 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			197,99
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 169(2) đến cột mốc số 170(1) là 156° 26' 59", khoảng cách là 2790,56m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 170(1) đến cột mốc số 170(2) là 166° 53' 10", khoảng cách là 117,06m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 170(1) đến cột mốc số 170(3) là 250° 58' 57", khoảng cách là 83,99m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 170(2) đến cột mốc số 170(3) là 309° 16' 09", khoảng cách là 136,88m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 170(1) đến cột mốc số 171(1) là 102° 49' 06", khoảng cách là 1902,48m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 170(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc ba cùng số, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 29 tháng 12 năm 2005	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
<p>Cột mốc số 170(2) đặt trên bờ sông phía Việt Nam, nơi giao nhau của Sông Xanh (Ge Suo He) và Sông Chảy (Hei He).</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 170(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 170(2) là 29,51m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 170(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 170(1) là 87,55m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 170(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 170(3) là 39,72m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 170(3) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 170(1) là 44,27m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 170(2) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy Sông Xanh (Ge Suo He) với trung tuyến dòng chảy Sông Chảy (Hei He) là 100,52m.</p>	2516046,75 18 425031,48	22° 44' 27,822" 104° 16' 12,573"	205,10 (1,22)
			Độ cao mặt đất (m)
			203,88
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 169(2) đến cột mốc số 170(2) là 156° 52' 04", khoảng cách là 2905,76m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 170(1) đến cột mốc số 170(2) là 166° 53' 10", khoảng cách là 117,06m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 170(1) đến cột mốc số 170(3) là 250° 58' 57", khoảng cách là 83,99m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 170(2) đến cột mốc số 170(3) là 309° 16' 09", khoảng cách là 136,88m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 170(2) đến cột mốc số 171(1) là 99° 33' 50", khoảng cách là 1854,28m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 170(3)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc ba cùng số, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 06 tháng 7 năm 2005	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'''' L(°''''	
<p>Cột mốc số 170(3) đặt trên bờ sông phía Việt Nam, nơi giao nhau của Sông Xanh (Ge Suo He) và Sông Chảy (Hei He).</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 170(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 170(2) là 29,51m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 170(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 170(1) là 87,55m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 170(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 170(3) là 39,72m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 170(3) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 170(1) là 44,27m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 170(3) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy Sông Xanh (Ge Suo He) với trung tuyến dòng chảy Sông Chảy (Hei He) là 57,62m.</p>	2516133,39 18 424925,51	22° 44' 30,621" 104° 16' 08,844"	204,42 (1,18)
			Độ cao mặt đất (m)
			203,24
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 169(2) đến cột mốc số 170(3) là 158° 10' 21", khoảng cách là 2785,18m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 170(1) đến cột mốc số 170(2) là 166° 53' 10", khoảng cách là 117,06m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 170(1) đến cột mốc số 170(3) là 250° 58' 57", khoảng cách là 83,99m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 170(2) đến cột mốc số 170(3) là 309° 16' 09", khoảng cách là 136,88m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 170(3) đến cột mốc số 171(1) là 101° 31' 57", khoảng cách là 1974,34m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 171(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 28 tháng 6 năm 2005	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
<p>Cột mốc số 171(1) đặt trên bờ Sông Chảy (Hei He) phía Trung Quốc.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 171(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 171(2) là 43,88m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 171(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 171(1) là 42,22m.</p>	2515738,67 18 426859,99	22° 44' 18,096" 104° 17' 16,705"	214,13 (1,60)
			Độ cao mặt đất (m)
			212,53
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 170(3) đến cột mốc số 171(1) là 101° 31' 57", khoảng cách là 1974,34m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 171(1) đến cột mốc số 171(2) là 204° 20' 29", khoảng cách là 86,10m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 171(1) đến mốc giới số 172 là 118° 36' 02", khoảng cách là 6350,68m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 171(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 28 tháng 6 năm 2005	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
<p>Cột mốc số 171(2) đặt trên bờ Sông Chảy (Hei He) phía Việt Nam.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 171(1) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 171(2) là 43,88m.</p> <p>Khoảng cách từ cột mốc số 171(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 171(1) là 42,22m.</p>	<p>2515660,22 18 426824,50</p>	<p>22° 44' 15,541" 104° 17' 15,475"</p>	210,13 (1,50)
			Độ cao mặt đất (m)
			208,63
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 170(3) đến cột mốc số 171(2) là 103° 59' 29", khoảng cách là 1957,05m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 171(1) đến cột mốc số 171(2) là 204° 20' 29", khoảng cách là 86,10m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 171(2) đến mốc giới số 172 là 117° 49' 31", khoảng cách là 6344,87m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 172

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 15 tháng 12 năm 2004	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 172 đặt trên sông núi.	2512698,59 18 432435,75	22° 42' 40,112" 104° 20' 32,578"	230,09 (4,25)
			Độ cao mặt đất (m)
			225,84
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 171(2) đến mốc giới số 172 là 117° 49' 31", khoảng cách là 6344,87m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 172 đến mốc giới số 173 là 149° 28' 45", khoảng cách là 1256,88m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 173

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 08 tháng 10 năm 2008	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
Mốc giới số 173 đặt trên sống núi.	2511615,86 18 433074,06	22° 42' 05,007" 104° 20' 55,109"	616,99 (1,60)
			Độ cao mặt đất (m)
			615,39
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 172 đến mốc giới số 173 là 149° 28' 45", khoảng cách là 1256,88m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 173 đến mốc giới số 174 là 139° 41' 14", khoảng cách là 196,09m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 174

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 08 tháng 10 năm 2008	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 174 đặt trên đốc núi, cạnh đường mòn.	2511466,34 18 433200,92	22° 42' 00,165" 104° 20' 59,577"	665,94 (2,12)
			Độ cao mặt đất (m)
			663,82
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 173 đến mốc giới số 174 là 139° 41' 14", khoảng cách là 196,09m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 174 đến mốc giới số 175 là 165° 34' 14", khoảng cách là 747,72m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 175

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 13 tháng 01 năm 2007	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
Mốc giới số 175 đặt trên sống núi.	2510742,21 18 433387,24	22° 41' 36,652" 104° 21' 06,215"	958,20 (1,60)
			Độ cao mặt đất (m)
			956,60
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 174 đến mốc giới số 175 là 165° 34' 14", khoảng cách là 747,72m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 175 đến mốc giới số 175/1 là 137° 32' 41", khoảng cách là 164,37m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 175/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn phụ, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 13 tháng 01 năm 2007	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 175/1 đặt trên sống núi.	2510620,94 18 433498,19	22° 41' 32,726" 104° 21' 10,120"	1012,05 (1,60)
			Độ cao mặt đất (m)
			1010,45
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 175 đến mốc giới số 175/1 là 137° 32' 41", khoảng cách là 164,37m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 175/1 đến mốc giới số 176 là 104° 59' 00", khoảng cách là 219,97m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 176

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 31 tháng 12 năm 2004	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°' ") L(°' ")	
Mốc giới số 176 đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn.	2510564,07 18 433710,68	22° 41' 30,908" 104° 21' 17,574"	1030,88 (1,92)
			Độ cao mặt đất (m)
			1028,96
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 175/1 đến mốc giới số 176 là 104° 59' 00", khoảng cách là 219,97m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 176 đến mốc giới số 176/1 là 119° 45' 03", khoảng cách là 84,90m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 176/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn phụ, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 29 tháng 11 năm 2005	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 176/1 đặt trên đỉnh núi.	2510521,94 18 433784,39	22° 41' 29,548" 104° 21' 20,161"	1051,56 (1,60)
			Độ cao mặt đất (m)
			1049,96
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 176 đến mốc giới số 176/1 là 119° 45' 03", khoảng cách là 84,90m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 176/1 đến mốc giới số 176/2 là 78° 54' 30", khoảng cách là 240,88m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 176/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn phụ, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 05 tháng 6 năm 2005	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 176/2 đặt trên sống núi.	2510568,28 18 434020,77	22° 41' 31,088" 104° 21' 28,436"	1122,97 (1,85)
			Độ cao mặt đất (m)
			1121,12
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 176/1 đến mốc giới số 176/2 là 78° 54' 30", khoảng cách là 240,88m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 176/2 đến mốc giới số 176/3 là 13° 43' 29", khoảng cách là 20,53m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 176/3

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn phụ, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 29 tháng 11 năm 2005	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 176/3 đặt trên sống núi.	2510588,22 18 434025,64	22° 41' 31,737" 104° 21' 28,603"	1123,17 (1,60)
			Độ cao mặt đất (m)
			1121,57
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 176/2 đến mốc giới số 176/3 là 13° 43' 29", khoảng cách là 20,53m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 176/3 đến mốc giới số 176/4 là 95° 34' 03", khoảng cách là 148,63m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 176/4

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn phụ, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 05 tháng 6 năm 2005	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 176/4 đặt trên sống núi.	2510573,80 18 434173,57	22° 41' 31,289" 104° 21' 33,788"	1154,74 (1,86)
			Độ cao mặt đất (m)
			1152,88
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 176/3 đến mốc giới số 176/4 là 95° 34' 03", khoảng cách là 148,63m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 176/4 đến mốc giới số 176/5 là 78° 45' 32", khoảng cách là 218,74m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 176/5

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn phụ, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 29 tháng 11 năm 2005	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 176/5 đặt trên sống núi.	2510616,44 18 434388,11	22° 41' 32,705" 104° 21' 41,297"	1196,74 (1,60)
			Độ cao mặt đất (m)
			1195,14
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 176/4 đến mốc giới số 176/5 là 78° 45' 32", khoảng cách là 218,74m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 176/5 đến mốc giới số 176/6 là 169° 38' 02", khoảng cách là 41,79m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 176/6

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn phụ, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 05 tháng 6 năm 2005	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 176/6 đặt trên sống núi.	2510575,33 18 434395,63	22° 41' 31,370" 104° 21' 41,568"	1193,67 (1,84)
			Độ cao mặt đất (m)
			1191,83
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 176/5 đến mốc giới số 176/6 là 169° 38' 02", khoảng cách là 41,79m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 176/6 đến mốc giới số 177 là 94° 37' 37", khoảng cách là 509,62m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 177

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 20 tháng 10 năm 2008	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 177 đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn.	2510534,22 18 434903,59	22° 41' 30,104" 104° 21' 59,369"	1190,71 (2,22)
			Độ cao mặt đất (m)
			1188,49
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 176/6 đến mốc giới số 177 là 94° 37' 37", khoảng cách là 509,62m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 177 đến mốc giới số 178 là 85° 42' 24", khoảng cách là 1189,61m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 178

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 25 tháng 4 năm 2005	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 178 đặt trên yên ngựa.	2510623,28 18 436089,86	22° 41' 33,162" 104° 22' 40,915"	1431,67 (1,84)
			Độ cao mặt đất (m)
			1429,83
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 177 đến mốc giới số 178 là 85° 42' 24", khoảng cách là 1189,61m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 178 đến mốc giới số 179 là 41° 12' 35", khoảng cách là 1749,33m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 179

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại trung	Đá hoa cương	Ngày 03 tháng 4 năm 2005	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 179 đặt trên yên ngựa.	2511939,31 18 437242,35	22° 42' 16,097" 104° 23' 21,100"	1357,46 (2,00)
			Độ cao mặt đất (m)
			1355,46
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 178 đến mốc giới số 179 là 41° 12' 35", khoảng cách là 1749,33m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 179 đến mốc giới số 180 là 66° 03' 59", khoảng cách là 1752,52m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 180

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 14 tháng 5 năm 2005	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 180 đặt trên yên ngựa.	2512650,27 18 438844,18	22° 42' 39,420" 104° 24' 17,123"	1472,88 (1,85)
			Độ cao mặt đất (m)
			1471,03
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 179 đến mốc giới số 180 là 66° 03' 59", khoảng cách là 1752,52m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 180 đến mốc giới số 180/1 là 34° 58' 49", khoảng cách là 153,71m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 180/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn phụ, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 16 tháng 10 năm 2005	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(°'") L(°'")	
Mốc giới số 180/1 đặt trên đỉnh núi.	2512776,21 18 438932,30	22° 42' 43,525" 104° 24' 20,193"	1528,44 (1,60)
			Độ cao mặt đất (m)
			1526,84
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 180 đến mốc giới số 180/1 là 34° 58' 49", khoảng cách là 153,71m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 180/1 đến mốc giới số 180/2 là 303° 23' 01", khoảng cách là 287,22m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 180/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn phụ, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 14 tháng 10 năm 2005	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 180/2 đặt trên đỉnh núi.	2512934,25 18 438692,47	22° 42' 48,632" 104° 24' 11,768"	1528,60 (1,85)
			Độ cao mặt đất (m)
			1526,75
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 180/1 đến mốc giới số 180/2 là 303° 23' 01", khoảng cách là 287,22m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 180/2 đến mốc giới số 181 là 32° 05' 50", khoảng cách là 240,48m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 181

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 06 tháng 4 năm 2005	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 181 đặt trên yên ngựa.	2513137,97 18 438820,25	22° 42' 55,270" 104° 24' 16,216"	1490,07 (1,60)
			Độ cao mặt đất (m)
			1488,47
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 180/2 đến mốc giới số 181 là 32° 05' 50", khoảng cách là 240,48m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 181 đến mốc giới số 182 là 21° 00' 51", khoảng cách là 501,76m.</p>			

BẢNG ĐĂNG KÝ MỐC GIỚI SỐ 182

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại nhỏ	Đá hoa cương	Ngày 30 tháng 6 năm 2005	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Mốc giới số 182 đặt trên yên ngựa, cạnh đường mòn.	2513606,36 18 439000,18	22° 43' 10,520" 104° 24' 22,455"	1445,47 (1,86)
			Độ cao mặt đất (m)
			1443,61
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
<p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 181 đến mốc giới số 182 là 21° 00' 51", khoảng cách là 501,76m.</p> <p>Góc phương vị toạ độ mốc giới số 182 đến mốc giới số 183 là 27° 07' 04", khoảng cách là 880,52m.</p>			

(Xem tiếp Công báo số 654 + 655)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Điện thoại: 080.44597 - 04.38231182

Fax : 080.44517

Địa chỉ: 1 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, HN

Email: congbaovpcp@cpt.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng